

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/DS-ST
Ngày: 01 - 7 - 2021
V/v: “Tranh chấp về nợ hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lắm;

2. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2021, về việc: “Tranh chấp về nợ hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm: 1951; địa chỉ: khu phố L, thị trấn L1, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị Ngọc L, sinh năm: 1978; địa chỉ: khu phố T, thị trấn L1, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, bà V có mặt, bà L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2021, biên bản lấy lời khai, tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thu V trình bày:

Giữa bà Nguyễn Thị Thu V và bà Đặng Thị Ngọc L trước đây là hàng xóm láng giềng với nhau, do quá trình quen biết nhau đã lâu nên bà L có tham chơi các dây hui do bà V tổ chức, quá trình chơi hui bà V tham gia đóng hui đầy đủ, riêng hai dây hui (01 dây hui tháng và 01 dây hui ngày) mà bà V mở vào đầu năm 2020, bà L tham gia

đã hốt hụi nhưng không đóng đầy đủ hụi như sau:

Đối với dây hụi 2.000.000đ/tháng được mở vào ngày 25/01/2020 âm lịch, mãn hụi vào ngày 25/12/2020 âm lịch, gồm 12 người chơi, hốt chót 22 triệu đồng. Trong dây hụi này bà L tham gia chơi một chân, bà L hốt hụi xong có tham gia đóng hụi đến tháng 6/2020 âm lịch. Từ tháng 7/2020 âm lịch bà L đã ngưng không đóng hụi cho bà V nữa nên còn nợ lại bà V 6 tháng tiền hụi tương ứng với số tiền là 12.000.000đồng.

Đối với dây hụi mở vào ngày 10/3/2020 âm lịch, mãn hụi vào ngày 10/12/2020 âm lịch; đây là hụi ngày; dây hụi này gồm có 10 người chơi, hốt chót là 17.400.000đ; cách thức đóng theo ngày, hụi sống thì đóng 50.000đ/ngày; hụi chết thì đóng 60.000đ/ngày; bà L tham gia chơi một chân và đóng hụi cho bà V được 5 tháng hụi; còn lại nợ 05 tháng hụi chết là 5 tháng x (60.000đ/ngày x 30 ngày) = 9.000.000đ.

Tổng số tiền nợ hụi mà bà L nợ bà V là 21.000.000đ. Sau khi đã mãn hụi bà L không trả được tiền nợ hụi cho bà V nên bà L có ghi vào sổ của bà V xác nhận số tiền hụi còn nợ là 21.000.000đồng.

Để chứng minh yêu cầu của kiện của mình, bà V nộp cho Tòa án 01 tờ giấy ghi nội dung hai dây hụi, thời gian tiền hụi mà bà L chưa đóng và xác nhận tiền nợ hụi có chữ ký, chữ viết của bà L; ngoài ra bà V không nộp bổ sung gì thêm.

Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn - bà Đặng Thị Ngọc L trình bày:

Bà Đặng Thị Ngọc L có quen biết với bà Nguyễn Thị Thu V là do trước đây sinh sống cùng khu phố L, thị trấn L1, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Quá trình quen biết, bà L có tham gia chơi hụi do bà V mở.

Vào khoảng năm 2020, bà L có đứng ra chơi hụi của bà V dùm cho chị dâu của mình, do người này không trực tiếp tham gia chơi hụi của bà V được (vì bà V không tin tưởng không cho chơi). Sau đó, người này cần tiền đã hốt hụi nhưng không đưa tiền lại cho bà L để đóng hụi chết cho bà V. Quá trình tham gia chơi hụi và hốt hụi, bà L xác nhận có ký cho bà V số tiền nợ hụi là 21.000.000 đồng như bà V khởi kiện. Bản thân bà L đã nhiều lần đôn đốc chị dâu để trả nợ cho bà V nhưng người này hứa hẹn do gặp nhiều khó khăn nên chưa trả nợ hụi cho bà V. Hiện nay do tình hình dịch Covid – 19 xảy ra nên bà L chưa xoay sở để trả nợ cho bà V được, bà L xin có thêm thời gian để thu xếp trả nợ cho bà V.

Ngoài ra, bà L không trình bày gì thêm cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử;

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự theo Bộ luật dân sự tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-Cp ngày 29/02/2019 về hộ, hộ, biên, phường của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về lệ phí, án phí Tòa án để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V: Buộc bà Đặng Thị Ngọc L phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền nợ hộ là 21.000.000đồng.

Về án phí: Bà Đặng Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn bà Đặng Thị Ngọc L vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[2] *Về quan hệ pháp luật*: Bà Nguyễn Thị Thu V yêu cầu bà Đặng Thị Ngọc L phải có trách nhiệm trả cho bà V số tiền nợ hộ là 21.000.000đ và không có yêu cầu nào khác. Xét thấy, đây là quan hệ tranh chấp về nợ hộ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T do đó Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án là phù hợp.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thu V*:

- Đối với tiền nợ hộ:

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thu V có yêu cầu khởi kiện buộc bà Đặng Thị Ngọc L phải trả cho bà V tổng số tiền nợ hộ là 21.000.000đ mà bà L đã tham gia chơi hai dây hộ mà bà V đã mở vào đầu năm 2020. Để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình, bà V đã nộp cho Tòa án 01 tờ giấy gốc ghi lại thời gian và số tiền hộ bà L chưa đóng của 02 dây hộ và có dòng chữ “*con có thiếu dì hai số tiền hộ là 21.00.000 hai*

mười một triệu đồng, từ đây cho tới hết hội, thanh toán cho dì hai, ký tên Lan, ghi Đặng Thị Ngọc L”.

Xét thấy, bà L thừa nhận đầu năm 2020 có tham gia chơi hai dây hội do bà V mở, giữa hai bên có xác lập với nhau quan hệ chơi hội. Mặc dù, bà L khai là chơi hội thay cho người khác nhưng quá trình chơi hội trong năm 2020, bà L là người trực tiếp đứng ra tham gia chơi hội, đóng hội và hốt hội đồng thời bà L xác nhận đối với hai dây hội này còn nợ của bà V số tiền là 21.000.000đ, có chữ viết và chữ ký bà L. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V đối với bà Đặng Thị Ngọc L là có căn cứ để chấp nhận nên cần buộc bà Đặng Thị Ngọc L phải trả cho bà V số tiền 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng) là phù hợp với Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.

- Đối với yêu cầu tính lãi: Bà Nguyễn Thị Thu V không có yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu V được chấp nhận nên cần buộc bà Đặng Thị Ngọc L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.
- Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.
- Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thu V.

Buộc bà Đặng Thị Ngọc L phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Vân số tiền nợ hội là 21.000.000đồng (*Hai mươi một triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị Ngọc L phải nộp 1.050.000 đồng (*Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/7/2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Mận